

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM TÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Phương;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Quốc Thái và bà Trần Thị Ngọc;
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tuấn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận;
- *Đại diện VKSND huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2020/ TLST-DS ngày 08/6/2020, về việc: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 70/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Kim H, sinh năm: 1970 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị X, sinh năm: 1990 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hồ Kim T, sinh năm: 1992 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh B.

+ Ông Hồ Văn Đ, sinh năm: 1988 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B.

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1934 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh B.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T, ông Đ, bà K: Bà Đoàn Thị Kim H, sinh năm: 1970 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn t, xã T, huyện H, tỉnh B.

**NHẬN THẤY:**

- Nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim H trình bày: Năm 1986, bà và ông Hồ Văn V tổ chức đám cưới và chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà và ông V có tạo lập được khối tài sản chung là nhà và đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I873746 ngày 03/10/1997 của Ủy ban nhân dân huyện H mang tên Hồ Văn V tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện H,

tỉnh B. Ngày 23/01/2019, ông V chết, không để lại di chúc. Người thừa kế của ông V gồm: Bà (Đoàn Thị Kim H); 03 người con của bà và ông V là Hồ Thị X, Hồ Kim T và Hồ Văn Đ; mẹ của ông V là bà Nguyễn Thị K. Ông V không có con nuôi hay con riêng nào khác. Do con gái là Hồ Thị X không cùng thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, nên bà khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông V theo quy định. Bà yêu cầu được nhận đất và tài sản trên đất và hoàn tiền chênh lệch cho các thừa kế khác.

- Bị đơn bà Hồ Thị X: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Kim T, ông Hồ Văn Đ, bà Nguyễn Thị K trình bày: Các ông bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Xuân H. Các ông bà đều xác định khối tài sản mà bà H khởi kiện gồm nhà và đất thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B là tài sản chung giữa bà Đoàn Thị Xuân H và ông V. Các ông bà đồng ý nhường lại phần di sản thừa kế cho bà H được quyền sở hữu, sử dụng.

Ngày 01/7/2020, Tòa án nhân dân huyện H cùng Ủy ban nhân dân xã T Hải, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp với nội dung: Diện tích đất tranh chấp phù hợp với diện tích và tứ cận của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I873746 ngày 03/10/1997 của Ủy ban nhân dân huyện H mang tên Hồ Văn V. Diện tích đất đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H đo bằng máy vào năm 2018 nên có hệ tọa độ và ranh cố định, không ai tranh chấp.

Cũng trong ngày 01/7/2020, Hội đồng định giá tài sản tranh chấp, cụ thể:

- Đất có giá thị trường là:  $920.000 \text{ đồng/m}^2 \times 968\text{m}^2 = 890.560.000 \text{ đồng}$ ;
- Nhà cấp 4B có diện tích  $100,84\text{m}^2$  có giá: 90.756.000 đồng;
- Nhà vệ sinh có diện tích  $7,84\text{m}^2$  có giá: 4.508.000 đồng;
- Nhà tạm, mái lợp tôn xi măng có diện tích  $14,56\text{m}^2$  có giá: 2.147.600 đồng;

Tổng cộng giá trị tài sản: 987.971.600 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu định giá tài sản nào khác.

*Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng:*

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim H về việc chia thừa kế. Bà Đoàn Thị Kim H được quyền sử dụng đất

diện tích 968m<sup>2</sup> gắn liền với căn nhà cấp 4 cùng các công trình phụ, thuộc thửa 24, tờ bản đồ 31 tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B. Bà H có trách nhiệm hoàn trả giá trị phần thừa kế cho bà X với số tiền 98.797.160 đồng. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Bà Đoàn Thị Kim H khởi kiện về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản” là nhà và đất tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B. Do đó, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Kim Th, ông Hồ Văn Đ, bà Nguyễn Thị K vắng mặt, tuy nhiên có người đại diện theo ủy quyền; Đối với bà Hồ Thị X đã được tổng đạt hợp lệ xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Năm 1986, bà Đoàn Thị Kim H và ông Hồ Văn V chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào Luật Hôn nhân Gia đình năm 1986 và Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử xác định: Mỗi quan hệ giữa bà H và ông V được xem là hôn nhân thực tế, bà H và ông V là vợ chồng. Ngày 23/01/2019, ông V chết, không để lại di chúc.

Theo các Biên bản xác minh của Tòa án, hàng thừa kế thứ nhất của ông V là 05 người gồm: Bà Đoàn Thị Kim H (vợ); 03 người con của bà H - ông V là bà Hồ Thị X, ông Hồ Kim T, ông Hồ Văn Đ và mẹ của ông V là bà Nguyễn Thị K.

Trong quá trình chung sống, bà H và ông V có tạo lập được khối tài sản chung là nhà và đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I873746 ngày 03/10/1997 của Ủy ban nhân dân huyện H mang tên Hồ Văn V. Diện tích đất sau còn lại là sau khi thu hồi là 725,8m<sup>2</sup>, nhưng thực tế hiện trạng sử dụng đất là 968m<sup>2</sup>. Tại Biên bản xác minh ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, diện tích đất dôi dư ra là do phương pháp đo đạc, chỉ đo tay nên số liệu không chính xác. Diện tích đất này do vợ chồng bà H, ông V sử dụng ổn định, lâu dài từ trước đến nay, không ai tranh chấp, diện tích đất dôi dư đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, diện tích đất dôi dư 242,2m<sup>2</sup> được xác định là đất thuộc quyền sử dụng của bà H, ông V và được chia theo quy định. Xác định tài sản chia thừa kế là: Đất diện tích 968m<sup>2</sup>; nhà cấp 4B có diện tích 100,84m<sup>2</sup>; Nhà vệ sinh có diện tích 7,84m<sup>2</sup> và nhà tạm, mái lợp tôn xi măng có diện tích 14,56m<sup>2</sup>. Tổng cộng giá trị tài sản: 987.971.600 đồng. Trong đó phần của bà H là  $\frac{1}{2} = 493.985.800$  đồng; còn phần của ông V là  $\frac{1}{2} = 493.985.800$  đồng. Phần của ông V chia đều cho 5 người thuộc hàng thừa thứ

nhất là bà Đoàn Thị Kim H; bà Hồ Thị X; ông Hồ Kim T; ông Hồ Văn Đ và bà Nguyễn Thị K, mỗi người là: 98.797.160 đồng.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Hồ Kim T, ông Hồ Văn Đ, bà Nguyễn Thị K đồng ý nhường phần di sản được nhận cho bà H. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Bà H được nhận các kỷ phần thừa kế từ ông Hồ Kim T; ông Hồ Văn Đ và bà Nguyễn Thị K.

Hiện bà H đang sinh sống trên diện tích nhà đất nói trên và được sở hữu phần nhiều nên Hội đồng xét xử giao toàn bộ nhà đất cho bà H được quyền sử dụng, sở hữu. Bà H có nghĩa vụ hoàn lại giá trị phần được hưởng cho bà X là 98.797.160 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Đoàn Thị Kim H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ. Bà H đã nộp đủ.

[4] Án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Áp dụng: Khoản 5 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;
- Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;
- Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điều 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim H về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Giao toàn bộ diện tích 968m<sup>2</sup> đất và tài sản trên đất gồm: Nhà cấp 4B diện tích 100,84m<sup>2</sup>; Nhà vệ sinh diện tích 7,84m<sup>2</sup>; Nhà tạm, mái lợp tôn xi măng diện tích 14,56m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B cho bà Đoàn Thị Kim H được quyền sử dụng, sở hữu.

Bà Đoàn Thị Kim H được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được chỉnh lý biến động diện tích và sang tên tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I873746 ngày 03/10/1997 của Ủy ban nhân dân huyện H.

*Đính kèm: Mạnh chính lý trích lục địa chính số 202-2018 ngày 21/12/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H, tỉnh B.*

- Bà Đoàn Thị Kim H có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Hồ Thị X được hưởng tương đương số tiền là 98.797.160 đồng.

**2. Lệ phí, án phí dân sự sơ thẩm:**

- Lệ phí: Bà Đoàn Thị Kim H tự nguyện phải chịu lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản. Bà H đã nộp đủ.

- Án phí:

+ Bà Đoàn Thị Kim H phải chịu 19.759.423 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.500.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0002642 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà H còn phải chịu số tiền 17.259.423 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Hồ Thị X phải chịu 4.939.858 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**3. Quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**